

Bản án số: **133/2022/HNGĐ- ST**

Ngày: 02/8/2022

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí
- Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thắng và bà Nguyễn Thị Hoa.
- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Quốc Oai;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quốc Oai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11/6/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1990, HKTT và chỗ ở: Xóm 10, thôn 4, xã TT, huyện QO, thành phố Hà Nội. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1988, HKTT và chỗ ở: Xóm 10, thôn 4, xã TT, huyện QO, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về phía nguyên đơn*: Trong đơn khởi kiện ngày 20/5/2021, các bản khai và tại phiên tòa chị H trình bày: Tôi kết hôn cùng với anh G vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện QO, thành phố Hà Nội, ngày 21/3/2011, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, 2 vợ chồng ở tại gia đình nhà chồng. Nghề nghiệp: Tôi là giáo viên mầm non xã NM, anh G là lao động tự do. Thời gian ở chung cùng gia đình vợ chồng không phát triển được tài sản gì.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu (hơn

01 năm) sau khi tôi đẻ con thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, anh G thì mãi chơi không quan tâm đến gia đình và vợ con (kể cả cờ bạc và có quan hệ với người khác...) vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến có nhiều mâu thuẫn (từ làm ăn kinh tế lẫn tình cảm). Thừa toà, trước đó vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn (anh G còn hành hung tôi trước sự chứng kiến của gia đình chồng và hàng xóm) tôi đã có lần bỏ về nhà đẻ ở nhưng do anh G và gia đình đến nói chuyện và vì các con và tin anh G sẽ thay đổi nên tôi đã quay về nhưng sau đó anh G vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vậy, tôi và các con bỏ về gia đình nhà ngoại (HV, CM) đẻ ở từ tháng 02/2021 cho đến nay. Từ khi ly thân 2 vợ chồng không có mối quan hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết và có nói chuyện nhưng do anh G không thay đổi dẫn đến không đạt kết quả.

Nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin được toà giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để vợ chồng sớm ổn định công việc, cuộc sống để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tự thỏa thuận, trường hợp ly hôn tôi không đề nghị toà giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu H, sinh 17/8/2012; Nguyễn Gia B, sinh 16/5/2014. Quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải chị H cho rằng do các con còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ nên tôi xin nuôi cả 02 con, không đề nghị góp phí tổn nuôi con. Tại phiên tòa chị xin thay đổi và cho rằng để bảo vệ quyền lợi của con cũng như để anh G cũng có trách nhiệm chung nên đề nghị Tòa giao cháu Hân cho chị và giao cháu Bảo cho anh G nuôi dưỡng chăm sóc. Vấn đề góp phí tổn nuôi con không đặt ra.

Về chỗ ăn, ở của 02 mẹ con sau ly hôn chúng tôi ở nhà đẻ (HV, CM) đẻ ở còn cháu Gia B ở với anh G (tại Thôn 4, xã TT) đều có nhà, cửa rộng rãi.

Về thu nhập của tôi hiện tại hơn 7.000.000 triệu /tháng (giáo viên mầm non).

Do tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết để vợ chồng ly hôn. Quá trình giải quyết anh G là người có nguyện vọng xin đoàn tụ, nhưng không có gì thay đổi, mục đích muốn kéo dài vụ kiện và không hợp tác làm việc. Do vậy, tôi từ chối hòa giải vì quá trình vợ chồng chúng tôi chung sống và ly thân chúng tôi và gia đình cũng đã xác định được về mối quan hệ hôn nhân này không đem lại kết quả gì, tôi mong Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai cho tôi được ly hôn anh G.

**Bị đơn trình bày:* Tại bản khai ngày 12/8/2021 và quá trình công khai chứng cứ và hòa giải anh G trình bày: Tôi kết hôn cùng với cô H vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện QO, thành phố Hà Nội, ngày 21/3/2011, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, 2 vợ chồng ở tại gia đình nhà tôi cho đến nay. Nghề nghiệp: Tôi là lao

động tự do (lúc thì lái xe du lịch), vợ tôi là giáo viên mầm non xã NM, huyện QO. Thời gian ở chung cùng gia đình vợ chồng và gia đình không phát triển được tài sản gì mà chỉ đủ ăn.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau khi mẹ đẻ tôi mất và vợ chồng sinh con thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, dẫn đến không có tiếng nói chung từ làm ăn kinh tế lẫn tình cảm và không tin tưởng lẫn nhau, không có người chia sẻ do vậy tôi có lúc này lúc khác (kể cả cờ bạc và có quan hệ với người khác...). Cô H nhiều lần bỏ về nhà đẻ đẻ ở, tôi và gia đình có lần đến gia đình nhà cô H nói chuyện sau vợ chồng về đoàn tụ. Cho đến tháng 2/2021, sau mâu thuẫn vợ chồng, cô H đưa cả 02 con về gia đình nhà ngoại (HV, CM) để ở cho đến nay. Từ khi ly thân tôi và gia đình có 01 lần đến gia đình nhà cô H nói chuyện nhưng cô H không về. Từ khi ly thân Tôi và cô H không có mối quan hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai 2 bên gia đình đều biết và có nói chuyện nhưng không đạt kết quả.

Nay cô H có đơn xin ly hôn tôi xin Tòa án cho vợ chồng tôi có thời gian để vợ chồng tôi thỏa thuận. Nếu chúng tôi không thỏa thuận được thì tôi đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tự thỏa thuận, trường hợp ly hôn tôi không đề nghị toà giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu H, sinh 17/8/2012; Nguyễn Gia B, sinh 16/5/2014. Nếu trường hợp ly hôn tôi xin nuôi cả 02 con; nếu không được tôi xin nuôi 01 con (cháu Gia B) và không đề nghị góp phí tốn nuôi con.

Tại phiên hòa giải lần 1 ngày 09/5/2022 cô H có mặt, anh G vắng mặt không lý do. Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 16/5/2022, anh G có mặt (cô H vắng mặt có lý do), anh G vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai tại Tòa và xin có 01 tháng để vợ chồng hòa giải. Nếu trường hợp cô H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của cô H và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về thu nhập của anh G cho rằng trước đây anh lái xe du lịch là 12 triệu /tháng, nay anh làm nghề xây dựng thì thu nhập là 09 triệu/tháng.

Do anh G vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có quan điểm:**

- Về Tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như:

+ Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo xác định chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết được ly hôn anh G.

Như vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

+ Về Thẩm quyền thụ lý: Bị đơn là anh G có địa chỉ cư trú tại xã TT, huyện QO. Như vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

+ Việc xác minh, thu thập chứng cứ và giao nhận chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS.

+ Thủ tục thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và cho các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 177, 178, 179, 195, 196 BLTTDS.

+ Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định cho đương sự và cho VKS cùng cấp.

+ Về Trình tự thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

+ Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: vụ án thụ lý từ ngày 11/6/2021 đến ngày 29/6/2022 Tòa án mới ra QĐ đưa vụ án ra xét xử. Như vậy Tòa án đã để kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, không đúng với quy định tại Điều 203 BLTTDS.

+ Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Đúng thời hạn quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX áp dụng Điểm b Khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định.

-Về quan điểm về nội vụ án: Qua đánh giá về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai đề xuất Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Xin ly hôn*” của chị Phạm Thị H, đề nghị xử: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn G;

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu H, sinh 17/8/2012; Nguyễn Gia B, sinh 16/5/2014. Giao cháu Nguyễn Gia B cho anh G, giao cháu Nguyễn Diệu H cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định thay đổi khác;

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G, chị H cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định; anh G, chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn G có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Xóm 10, thôn 4, xã TT, huyện QO, thành phố Hà Nội nên việc chị H có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh G (nhưng tại phiên hòa giải lần 2 anh G xin vắng mặt tại phiên tòa), căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh G, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện QO ngày 21/3/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị H, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, anh G thì mãi chơi không quan tâm đến gia đình và vợ con (kể cả cờ bạc và có quan hệ với người khác...) vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến có nhiều mâu thuẫn (từ làm ăn kinh tế lẫn tình cảm), trước đó vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn hành hung và xô xát, chị H đã nhiều lần bỏ về nhà để ở nhưng do anh G và gia đình đến nói chuyện và vì các con và tin anh G sẽ thay đổi nên chị đã quay về nhưng sau đó anh G vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vậy, chị và các con bỏ về gia đình nhà ngoại (HV, CM) để ở từ tháng 02/2021 cho đến nay. Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết, có can thiệp nhưng không đạt kết quả. Chị H cho rằng tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị xin được ly hôn và xin từ chối hòa giải đoàn tụ.

Về phía anh Nguyễn Văn G cũng thừa nhận trước đây vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn, khuyết điểm (như cô H trình bày) nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, hòa giải anh G xin có thời gian để vợ chồng hòa giải và anh cũng thừa nhận gia đình hai bên đã nói chuyện nhưng không đạt kết quả.

Biên bản xác minh ngày 24/3/2022, tại UBND xã TT thể hiện: Về kết hôn và đăng ký kết hôn, con chung của chị H, anh G cung cấp là đúng. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị thể hiện: Quá trình 02 vợ chồng chung sống tại địa phương cũng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn sâu xa do đầu thì thôn và xã không biết nhưng tổ hòa giải của thôn và Hội phụ nữ thôn đã nhiều lần gặp gỡ chị H và anh G và cả ông Nguyễn Văn An (bố đẻ anh G) để trao đổi trực tiếp và qua điện thoại để vợ chồng anh, chị về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa hòa giải cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, thay mặt Hội phụ nữ xã bà Nguyễn Thị T – Phó Hội trưởng Hội phụ nữ xã TT (tổ trưởng tổ vay vốn) đề nghị chị H và anh G có trách nhiệm tất toán khoản vay 20.000.000 đồng của Hội theo quy định của pháp luật (Hội sẽ có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết sau). Về thu nhập phổ thông trung bình tại địa phương là 200.000 đồng/người/ngày.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh G là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Hiện anh, chị không có mối liên hệ gì về tình cảm cũng như công việc chung của hai bên gia đình; gia đình và anh G cũng đã hòa giải và đưa ra các giải pháp về thời gian để vợ chồng và hai bên gia đình nói chuyện nhưng đều không đạt kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh G và chị H không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và cần xử cho chị H được ly hôn anh G là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu H, sinh 17/8/2012; Nguyễn Gia B, sinh 16/5/2014. Ly hôn cả anh G và chị H đều xin được nuôi cả 02 con và các bên đều đưa ra các điều kiện về thu nhập, chỗ ở để bảo vệ cho quan điểm được nuôi con và không đề nghị bên kia góp phí tổn nuôi con. Căn cứ vào mức thu nhập và tình hình thực tế của các bên. Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chung và vợ, chồng sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giao con Nguyễn Diệu H cho chị H, giao con Nguyễn Gia B cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh G, chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vấn đề góp phí tổn nuôi con chung: Do chị H và anh G mỗi người nuôi 01 con và đều có thu nhập nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh G, chị H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Quá trình xác minh, bà Nguyễn Thị Tuyết – Phó Hội trưởng Hội phụ nữ xã TT (tổ trưởng tổ vay vốn) đề nghị chị H và anh G có trách nhiệm tất toán khoản vay 20.000.000 đồng của Hội theo quy định của pháp luật. Ngày 06/5/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, bà Tuyết cho rằng khoản vay trên vẫn trong hạn và chị H vẫn trả lãi đầy đủ theo quy định. Thay mặt Hội phụ nữ xã và Tổ vay vốn chưa đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ trong vụ án ly hôn trên. Mặt khác, tại phiên tòa chị H cho rằng chị và ông An đã tất toán khoản vay trên của Hội phụ nữ và đã rút sổ đỏ trả lại cho ông Nguyễn Văn An (bố chồng) ngày 01/8/2022. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận về dân sự giữa các bên nên Tòa không đặt ra để xem xét trong vụ án.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn G;

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn G;
2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu H, sinh 17/8/2012; Nguyễn Gia B, sinh 16/5/2014. Giao con Nguyễn Diệu H cho chị H, giao con Nguyễn Gia B cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh G, chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.
3. Về góp phí tổn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh G, chị H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.
4. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết.
5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000081 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện QO.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Quốc Oai;
- THA DS huyện QO;
- UBND xã TT, H QO.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Trí